

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Phụ lục số 04

GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH

Các đơn vị Nhóm 1: Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Tâm thần

*(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Đơn vị: đồng

STT	Các loại dịch vụ	Mức giá tại Bệnh viện Kiến An	Mức giá tại Bệnh viện Tâm thần
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc	928,100	
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	558,600	558,600
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	305,500	305,500
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sân không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	273,800	
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	232,900	232,900
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;		
4.1	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	400,400	
4.2	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	364,400	
4.3	Loại 3 : Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	320,700	
4.4	Loại 4 : Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	286,700	
5	Ngày giường điều trị ban ngày	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH

Các đơn vị Nhóm 2: Trung tâm Da Liễu, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền, Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo, Bệnh viện đa khoa huyện An Lão, Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: đồng

STT	Các loại dịch vụ	Mức giá tại Bệnh viện Phổi	Mức giá tại Bệnh viện Mắt	Mức giá tại Bệnh viện Y học cổ truyền	Mức giá tại BVĐK quận Ngô Quyền	Mức giá tại BVĐK huyện Vĩnh Bảo	Mức giá tại BVĐK huyện An Lão	Mức giá tại BVĐK huyện Thủy Nguyên
	HẠNG II							
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc			799,600	799,600	799,600		799,600
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	418,500		418,500	418,500	418,500	418,500	418,500
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:							
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	257,100		257,100	257,100	257,100	257,100	257,100
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.		222,300	222,300	222,300	222,300	222,300	222,300
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng			177,300	177,300	177,300	177,300	177,300
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng;							
4.1	Loại 1 : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể		341,800	341,800	341,800	341,800	341,800	341,800
4.2	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể		301,600	301,600	301,600	301,600	301,600	301,600
4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể		269,200	269,200	269,200	269,200	269,200	269,200

STT	Các loại dịch vụ	Mức giá tại Bệnh viện Phổi	Mức giá tại Bệnh viện Mắt	Mức giá tại Bệnh viện Y học cổ truyền	Mức giá tại BVĐK quận Ngô Quyền	Mức giá tại BVĐK huyện Vĩnh Bảo	Mức giá tại BVĐK huyện An Lão	Mức giá tại BVĐK huyện Thủy Nguyên
4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể		229,200	229,200	229,200	229,200	229,200	229,200
5	Ngày giường điều trị ban ngày		Bảng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	Bảng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	Bảng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	Bảng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	Bảng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng	Bảng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
	HẠNG III (CS II Quảng Thanh - BVĐK huyện Thủy Nguyên)							
6	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng/ghép tủy /ghép tế bào gốc							
7	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu							364,400
8	Ngày giường bệnh Nội khoa:							
9.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)							245,000
9.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.							211,000
9.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng							169,200
10	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:							

STT	Các loại dịch vụ	Mức giá tại Bệnh viện Phổi	Mức giá tại Bệnh viện Mắt	Mức giá tại Bệnh viện Y học cổ truyền	Mức giá tại BVĐK quận Ngô Quyền	Mức giá tại BVĐK huyện Vĩnh Bảo	Mức giá tại BVĐK huyện An Lão	Mức giá tại BVĐK huyện Thủy Nguyên
10.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể							
10.2	Loại 2 : Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể							272,200
10.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể							241,300
10.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể							202,300
11	Ngày giường bệnh ban ngày							Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng

Các đơn vị Nhóm 3: Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện đa khoa Đôn Lương và 15 Trung tâm y tế quận, huyện
(Kèm theo Nghị quyết số: /2024/NO-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

[illegible]